TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1880/QĐ-NĐCP	*Quảng Ninh, ngày 15 tháng 05 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Hồ sơ mời chào giá Đơn hàng

Cung cấp Vật tư Phụ và các vật tư khác

Số hiệu đơn hàng: 50/ĐH-NĐCP

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

- Quyết định số 1081/QĐ-ĐLTKV ngày 28/6/2022 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc ban hành Quy định quản lý Hợp đồng sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty;

- Văn bản số 3793/ĐLTKV-KH ngày 25/12/2025 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc tạm giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 cho Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV;

- Quyết định 106/QĐ-ĐLTKV ngày 24/02/2026 về việc ban hành Quy chế Quản lý công tác vật tư của Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP;

- Quyết định 2630/QĐ-ĐLTKV ngày 11/11/2024 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc ban hàng Quy định về mua sắm vật tư để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất và duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng vốn sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty điện lực TKV-CTCP;

- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV;

- Căn cứ Quyết định 2997/QĐ-NĐCP ngày 25/12/2024 của Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV về việc ban hành Quy định về mua sắm vật tư để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng vốn sản xuất kinh doanh trong Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV;

- Quyết định số 3170/QĐ-NĐCP ngày 31/10/2025 của Công ty Nhiệt điện Cẩm phả về việc ban hành Quy trình quản lý, thực hiện công tác Vật tư trong Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV;

- Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-NĐCP ngày 05/5/2025 của Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV về việc kiện toàn nhân sự Tổ tư vấn;

Xét Tờ trình ngày 15/05/2026 của Tổ tư vấn về việc phê duyệt hồ sơ mời chào giá đơn hàng số 50/ĐH-NĐCP: Cung cấp vật tư Phụ và các vật tư khác.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ mời chào giá đơn hàng số 50/ĐH-NĐCP: Cung cấp vật tư Phụ và các vật tư khác chi tiết như hồ sơ mời chào giá đính kèm.

Điều 2. Căn cứ nội dung Hồ sơ mời chào giá đã được phê duyệt tại Điều 1, phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các bước tiếp theo về lựa chọn nhà cung cấp theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư, Kế toán-Tài chính, Kỹ thuật-An toàn Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KHĐTVT, ĐTPL1).

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0104297034-008
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
P. CẨM ÔNG - T. QUẢNG NINH

Trần Văn Hoan

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ- TKV

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

Tên đơn hàng: **Vật tư Phụ và các vật tư khác**

Số hiệu đơn hàng: **50/ĐH-NĐCP**

Phát hành ngày: 15 **/05/2026**

Ban hành kèm theo QĐ: 1880**/QĐ-NĐCP ngày** 15**/05/2026**

BÊN MỜI CHÀO GIÁ

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0104297034 - 008
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
P. CỬA ÔNG - T. QUẢNG NINH

Trần Văn Hoan

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ:

Từ/ cụm từ	Giải nghĩa
ĐLTKV	Tổng công ty Điện lực - TKV
Bên mời chào giá	Công ty .....
HSMCG	Hồ sơ mời chào giá
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSCG	Hồ sơ chào giá
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
VND	Đồng Việt Nam
NCC	Nhà cung cấp tham gia chào giá

Chương I: Yêu cầu về Hồ sơ mời chào giá

Mục 1. Bên mời chào giá

- Bên mời chào giá: Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.

- Bên mời chào giá mời các Nhà cung cấp tham gia chào giá cung cấp vật tư theo đơn hàng số 50/ĐH-NĐCP: "Vật tư Phụ và các vật tư khác".

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Mục 2. Các yêu cầu về vật tư

Phạm vi công việc, yêu cầu của đơn hàng nêu tại Chương II của Hồ sơ mời chào giá này.

Mục 3. Các yêu cầu về tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp

Nhà cung cấp phải nộp các giấy tờ sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp (bản công chứng); Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có).

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy uỷ quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).

3. Tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm:

Yêu cầu về hợp đồng tương tự: Nhà cung cấp đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ mời chào giá này.

Trong đó hợp đồng tương tự là:

- Có tính chất tương tự: là hợp đồng cung cấp vật tư cho các công trình công nghiệp

- Có quy mô (giá trị) tối thiểu: ***600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).*** VND.

Nhà cung cấp cung cấp các tài liệu chứng minh gồm (bản gốc hoặc bản sao được chứng thực): Hợp đồng; Biên bản nghiệm thu/ Biên bản kiểm nghiệm hàng hóa; Biên bản thanh lý; Hóa đơn GTGT; trường hợp hợp đồng chưa thực hiện xong phải kèm theo xác nhận của đơn vị sử dụng/Chủ đầu tư.

- Bên mời chào giá có thể chấp nhận Nhà cung cấp là đơn vị một độc lập hoặc liên danh giữa các Nhà cung cấp với điều kiện đảm bảo các yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

Mục 4. Các yêu cầu về thương mại:

1. Giá, thuế, phí, lệ phí:

a. Giá chào:

Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm giao hàng theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp sẽ bị loại.

b. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư

giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được chấp nhận.

c. Nhà cung cấp chào giá cho toàn bộ hàng hóa theo thư mời.

2. Địa điểm và thời gian giao hàng:

a. Địa điểm giao hàng là: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P. Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam (Nhà cung cấp chịu trách nhiệm nâng hạ hàng, chi phí nâng – hạ tại nơi giao hàng). giao hàng trong vòng 20 ngày tính từ khi hợp đồng có hiệu lực.

- NCC thực hiện bàn giao hàng hóa vào giờ hành chính các ngày thứ 2, thứ 5 trong tuần.

Xử lý tình huống:

- Trong trường hợp Bên B có sẵn hàng hóa và Bên A có nhu cầu sử dụng, Bên B sẽ thực hiện bàn giao hàng hóa theo nhu cầu bằng văn bản của bên A thông qua gửi trực tiếp/Fax/Email.

- Trong trường hợp Bên B giao hàng vào ngày cuối cùng của thời gian thực hiện hợp đồng, không phải là thứ 2 hoặc thứ 5 thì Bên B thực hiện bàn giao hàng hóa vào ngày thứ 2/thứ 5 kế tiếp (ngày gần nhất với ngày hết hạn thực hiện hợp đồng) hoặc vào các ngày kế tiếp theo nhu cầu của Bên A và không tính là vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng.

3. Thanh toán:

Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng 100% giá trị hợp đồng sau thuế trong vòng 60 ngày sau khi bên B đã bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

4. Bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng:

- Nhà cung cấp phải cam kết mục số 1, 3, 40÷43 bảo hành hàng hóa trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giao hàng.

5. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hóa sản xuất năm 2025 trở lại đây, phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật. Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng.

+ Mục số 1, 3, 4, 20, 28, 31, 37, 38, 43 đối với các mục hàng nhập khẩu: Cấp CO, CQ/ hoặc các văn bản giá trị tương đương (CO: Giấy Chứng nhận xuất xứ do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam Với các mục hàng sản xuất trong nước; CQ: Giấy chứng nhận chất lượng);

Ghi chú: CQ: Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất hoặc các văn bản có giá trị trương đương. CO: giấy chứng nhận xuất xứ, CO do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp, mà trên đó thể hiện đơn vị nhập khẩu là doanh nghiệp, hộ kinh doanh...hợp pháp tại Việt Nam. Bên B cấp bản công chứng dịch thuật tiếng Việt CO, CQ nếu các chứng từ trên không được viết bằng tiếng Việt. Trong trường hợp số

lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của gói thầu thì phải cung cấp bản gốc CO, CQ kèm theo)

- Đối với các mục hàng còn lại: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa. Riêng các mục hàng có đơn giá trên 10 triệu đồng hoặc có đơn giá dưới 10 triệu đồng nhưng tổng giá trị mua sắm vật tư đó hơn 50 triệu đồng: Cấp CQ (nếu hàng hoá sản xuất trong nước); cấp CO,CQ (nếu là hàng nhập khẩu).

Mục 5. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.

2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VNĐ.

3. Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung. Nếu Nhà cung cấp không cung cấp bổ sung các tài liệu theo yêu cầu, Bên mời chào giá sẽ đánh giá Hồ sơ chào giá "Không đạt".

Mục 6. Nội dung Hồ sơ chào giá

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ chào giá bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01, Biểu giá chào hàng theo Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ chào giá có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột "đơn giá " và cột "thành tiền" của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Bảo đảm tham gia chào giá theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt đồng tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá, bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh tham gia chào giá.

- Giá trị bảo đảm tham gia chào giá: Không thấp hơn **35.000.000 VNĐ** *(Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu đồng).*

Ghi chú: Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thoả thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung sẽ không được hoàn trả bảo đảm tham gia chào giá trừ trường hợp bất khả kháng.

- Thời gian có hiệu lực của Bảo lãnh tham gia chào giá là 90 ngày.

3. Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 3 của Hồ sơ mời chào giá này.

4. Bảng kê các điều kiện thương mại: giao hàng, thanh toán, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có), v.v… theo Mẫu số 03, Chương III-Biểu mẫu.

5. Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng, bao gồm cả các tài liệu

chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ theo Mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu.

6. Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp.

7. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III-Biểu mẫu.

Mục 7. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá tối thiểu là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

Mục 8. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ chào giá

1. Hồ sơ chào giá được gửi trong phong bì kín, ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại của cá nhân/nhà cung cấp gửi, có niêm phong ghi rõ nội dung: **Hồ sơ chào giá theo văn bản số 1880/QĐ-NĐCP ngày 15/05/2026** và gửi thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau *(Bên mời chào giá chỉ tiếp nhận những hồ sơ chào giá đảm bảo nội dung này)*:

Địa chỉ nhận hồ sơ chào giá:

+ Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.

+ Địa chỉ: Tổ 4, khu 4A, P. Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

+ Điện thoại: 02033 734 900

(Ghi chú: Nộp tại phòng Văn thư)

- Mọi thắc mắc xin liên hệ cán bộ phụ trách: Đinh Thị Phong Lan, phòng Kế hoạch-Đầu tư - Vật tư; điện thoại: 0775346899.
- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào **09 giờ 00' ngày 22/05/2026.**
- Các Hồ sơ chào giá được gửi đến Bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được xem xét.

2. Các Hồ sơ chào giá sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại trụ sở Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV vào hồi **09 giờ 30' ngày 22/05/2026**.

Bên mời chào giá mời các Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ chào giá chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ chào giá, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ chào giá vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các Nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ chào giá của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá … sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

4. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong các Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

5. Các bản chào giá không thực hiện như đúng hình thức yêu cầu trong hồ sơ này bên mời cung cấp có quyền không tiếp nhận, không mở hồ sơ và trả về nhà cung cấp nếu phong bì thư có ghi rõ địa chỉ nhà cung cấp.

Mục 9. Làm rõ Hồ sơ chào giá

1. Sau khi mở Hồ sơ chào giá, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ chào giá theo yêu cầu của Bên mời chào giá (nếu có). Trường hợp Hồ sơ chào giá của Nhà

cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời chào giá yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ chào giá đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá giữa Nhà cung cấp và Bên mời chào giá được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ chào giá, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ chào giá của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời chào giá để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời chào giá có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ chào giá.

4. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá chỉ được thực hiện giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ chào giá và được Bên mời chào giá bảo quản như Hồ sơ chào giá.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời chào giá thì Bên mời chào giá sẽ đánh giá Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp theo Hồ sơ chào giá đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 10. Đánh giá Hồ sơ chào giá

Việc đánh giá Hồ sơ chào giá được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá:

Hồ sơ chào giá được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá (theo khoản 1, khoản 2 mục 3 chương I)

Bao gồm nhưng không giới hạn các tiêu chí:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký DN

- Thư chào hàng và biểu giá chào hàng (do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký); Chào giá toàn bộ đơn hàng

- Hiệu lực của Bản chào giá

- Bảo lãnh dự thầu

- Thời gian thanh toán

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/ không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá (theo khoản 3 mục 3 chương I)

Bao gồm nhưng không giới hạn các tiêu chí:

- Hợp đồng tương tự

- *Thời gian giao hàng (tính từ ngày Nhà cung cấp nhận được thông báo nhu cầu của Bên A bằng văn bản gửi chuyển phát nhanh/Fax/Email...)*

- *Địa điểm giao hàng*

- *Năm sản xuất hàng hóa*

- *Bộ chứng từ thanh toán (Giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng hàng hóa)*

3. Đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất (*Tên vật tư, quy cách và tính hợp lệ của hàng hóa tương đương*).

- Nhà thầu có thể chào giá theo mã vật tư yêu cầu hoặc hàng tương đương về thông số kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu đề xuất hàng tương đương thì nhà thầu phải cung cấp một trong các tài liệu sau (được trình bày bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh):

+ *Bảng so sánh thông số kỹ thuật.*

+ *Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương khác (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) của hàng hóa do nhà thầu đề xuất, Catalogue/tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa;*

+ *Có cam kết hàng hóa do nhà thầu chào đảm bảo tính tương thích, đồng bộ và đảm bảo tính lắp lẫn vào hệ thống/thiết bị của chủ đầu tư đang sử dụng, không gây ảnh hưởng phụ tới công suất, hiệu quả, tuổi thọ thiết bị của chủ đầu tư (không gián tiếp là nguyên nhân phát sinh làm hư hỏng các bộ phận khác trong hệ thống thiết bị).*

+ *Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ chi phí bồi thường các thiệt hại gây ra do sự không tương thích hoặc do lỗi vật tư, thiết bị nhà thầu cung cấp gây ra cho các thiết bị*

(Trường hợp cần làm rõ các tài liệu và tư liệu kỹ thuật bổ trợ, chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu cung cấp bổ sung các tài liệu trên. Nếu Nhà thầu không cung cấp bổ sung được theo yêu cầu của bên mời chào giá hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh mà không gửi kèm dịch thuật sang tiếng Việt/tiếng Anh thì hàng hóa tương đương do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật)

- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Nhà cung cấp phải đáp ứng đúng/hoặc sớm hơn tiến độ HSMCG yêu cầu.

- Bảo hành: Nhà cung cấp phải đáp ứng đúng/hoặc dài hơn thời gian bảo hành mà HSMCG yêu cầu.

- Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu.

4. Đánh giá về giá:

- Tiêu chí đánh giá về giá được áp dụng theo đơn giá thấp nhất của từng mục hàng hóa.

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với từng hạng mục hàng hoá nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, v.v….

+ Bước 3: Xếp hạng các hồ sơ chào giá theo đơn giá.

So sánh đơn giá đánh giá giữa các Hồ sơ chào giá, Hồ sơ chào giá có đơn giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất. Đối với đơn hàng có nhiều hạng mục thì việc đánh giá sẽ theo nguyên tắc so sánh từng hạng mục giống nhau hoặc tương đương để xếp hạng các Hồ sơ chào giá.

Mục 11. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp vật tư khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ chào giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ mời chào giá;

2. Được xem xét đề nghị cung cấp hàng hoá theo xếp hạng các Hồ sơ chào giá từ thứ nhất đến các thứ hạng tiếp theo.

Để đảm bảo đủ nguồn vật tư, kịp thời phục vụ sản xuất, Bên mời chào giá có quyền lựa chọn nhiều hơn 01 Nhà cung cấp và Bên mua có quyền mua một, một số hoặc tất cả các chủng loại vật tư thuộc đơn hàng trên.

Mục 12. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời chào giá với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo mẫu số 05 Chương III.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA ĐƠN HÀNG

Nhà cung cấp phải chào hàng hàng hóa theo nội dung yêu cầu dưới đây:

1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật:

- Tên đơn hàng: Vật tư Phụ và các vật tư khác
- Số hiệu đơn hàng: 50/ĐH-NĐCP
- Chi tiết xem bảng dưới.

Lưu ý:

- Trong quá trình chuẩn bị báo giá, nhà cung cấp phải khảo sát kỹ thông số kỹ thuật, tình trạng thiết bị của đơn hàng nhằm đảm bảo tính tương thích về môi trường, điều kiện vận hành, chất lượng hàng hóa phù hợp nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sử dụng tại nhà máy

- Thời gian giao hàng: tính từ ngày Nhà cung cấp nhận được Thông báo nhu cầu của Bên A (Bên mời chào giá) bằng văn bản gửi trực tiếp/Fax/Email....

TT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Tiến độ cung cấp hàng hoá	Hãng sản xuất
1.	Bộ gia nhiệt bộ sấy kiểu hấp thụ	MXF 12kW	Bộ	1	20 ngày	
2.	Bộ lọc cho mặt nạ phòng độc	Loại 3M 2 phin lọc	Cái	40	20 ngày	
3.	Bơm	Máy bơm nước: - Lưu lượng: 42 m³/h. - Cột áp đầu đẩy: 45.5 mét. - Công suất: 7.5HP - Tốc độ quay: 2900V/P. * Đặc tính: - Loại môi chất: Nước - Nhiệt độ môi chất: Từ -10°C đến +90°C. * Cấu tạo bơm: - Mã hiệu bơm: CM40-200B. - Kiểu bơm: Bơm ly tâm trục ngang. - Vật liệu buồng bơm, cánh bơm, trục bơm: Thép không gỉ SUS 304. Động cơ bơm:	Cái	2	20 ngày	

TT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Tiến độ cung cấp hàng hoá	Hãng sản xuất
		- Công suất động cơ 5.5kW, tần số 50hZ. - Điện áp định mức 380VAC. - Dòng điện định mức 11,4A. - Tốc độ quay: 2900V/P. - Cấp bảo vệ IP 55.				
4.	Bóng đèn Led	CSD08 200W, điện áp 220VAC ánh sáng trắng	Bóng	21	20 ngày	
5.	Bóng đèn Led	Rạng Đông 20w ánh sáng trắng đui xoáy	Bóng	20	20 ngày	
6.	Bu lông	Bu lông M16x70. Tiêu chuẩn 8,8. VL: SUS304	Bộ	108	20 ngày	
7.	Bu lông nở sắt	Bu lông nở sắt M20x200	Cái	12	20 ngày	
8.	Bulong hình chữ U	Ubolt DN90	Cái	30	20 ngày	
9.	Cáp điện	Cáp điện Cadivi CXV-4×4 mm2 – 0.6/1kV	m	200	20 ngày	
10.	Cát vàng	Cát vàng	m3	1,5	20 ngày	
11.	Chõ bơm	Chõ bơm gang nối bích DN65 (OD76mm)	Cái	2	20 ngày	
12.	Côn thu	Côn thu kiểu hàn HDPE D63-90. PN10	Cái	2	20 ngày	
13.	Cút góc 90 độ	SUS304 DN100 dầy 3mm	Cái	40	20 ngày	
14.	Cút nhựa	Cút góc HDPE Ø90, kết nối kiểu hàn, PN10	Cái	16	20 ngày	
15.	Cút ống nước	Cút vuông 90 độ nhựa PVC Tiền Phong Ø27	Cái	20	20 ngày	
16.	Cút ống nước	Cút vuông 90 độ nhựa PVC Tiền Phong Ø48	Cái	20	20 ngày	
17.	Cút ống nước	Cút chếch 45 độ nhựa PVC Tiền Phong Ø27	Cái	20	20 ngày	
18.	Cút ống nước	Cút chếch 45 độ nhựa PVC Tiền Phong Ø48	Cái	20	20 ngày	
19.	Đá cắt	Φ150	Viên	36	20 ngày	

TT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Tiến độ cung cấp hàng hoá	Hãng sản xuất
20.	Đường ống nhựa HDPE	Ống HDPE D90 Dầy 5,4mm PN10	m	575	20 ngày	
21.	Găng tay cao su chống ăn mòn HC		Đôi	88	20 ngày	
22.	Găng tay Y tế		Đôi	1440	20 ngày	
23.	Giảm chấn cao su đúc 6 cánh (bản vẽ đính kèm)	Φ85xΦ30 dày 20mm	Cái	2	20 ngày	
24.	Mặt bích	Mặt bích thép DN65(OD76mm) PN16. VL: SUS304	Cái	4	20 ngày	
25.	Mặt bích	Mặt bích lồng thép nhựa HDPE D63 (Bao gồm cả bích thép D63)	Cái	2	20 ngày	
26.	Mặt bích	Mặt bích lồng thép nhựa HDPE D90 (Bao gồm cả bích thép D90)	Cái	4	20 ngày	
27.	Mặt bích	DN100 PN16 VL: SUS304	Cái	10	20 ngày	
28.	Mặt cầu van cầu	DN200 (DN200; L= 330mm; bán kính cầu R160mm; vị trí lắp trục Φ44mm; lắp chốt Φ14mm; VL: gang)	Cái	4	20 ngày	
29.	Ống nước nhựa	Ống nước nhựa PVC Tiền Phong Ø27	mét	115	20 ngày	
30.	Ống nước nhựa	Ống nước nhựa PVC Tiền Phong Ø48	mét	80	20 ngày	
31.	Ống thép	D34 dầy 2,6mm	m	262	20 ngày	
32.	Ống thép mạ kẽm	D21x1,65mm	m	4	20 ngày	
33.	Ống thủy báo mức bể dầu	loại YWZ-160T khoảng cách từ tâm lỗ này tới tâm lỗ kia là 160; đường kính lỗ bắt ốc 10; phụ kiện kèm theo đầy đủ gioăng và ốc; vật liệu nhôm đúc; áp suất làm việc 0.4MPa; nhiệt độ làm việc -20÷100 độ C; môi chất dầu	Cái	3	20 ngày	

TT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Tiến độ cung cấp hàng hoá	Hãng sản xuất
34.	Phao điện	Điện áp 220V, 50hZ, công suất motor < 2HP, 8A/220V, dây điện dài 3m, Nhiệt độ làm việc <80 độ C, IP 68	Bộ	4	20 ngày	
35.	Thép hình	Loại thép hình: Chữ V- Kích thước mặt cắt ngang 50x50mm.- Độ dầy 5mm.- Vật liệu VL SUS 304.	m	30	20 ngày	
36.	Thép ống	Kích thước hình học. '- Đường kính danh định DN 65. - Đường kính ngoài OD 76mm. - Độ dầy thành ống d5mm. - Chiều dai ống 6m. - Phương pháp chế tạo: Thép ống đúc. - Mác thép SUS 304.	m	6	20 ngày	
37.	Thép ống	SUS304 DN100 dầy 3mm (8,4kg/m)	m	340	20 ngày	
38.	Tủ điều khiển	Tủ điều khiển trọn bộ không bao gồm giới hạn số lượng vật tư như sau: - KT 300x300x200 vật liệu SU304, dầy 2mm, cánh cửa 2 lóp, cánh ngoài có kính mica. - Aptomat 3 pha dạng cài, Acti iK60N 3P-10A, hãng Schneider - Khởi động từ 3 pha LC1D12, cuộn hút 220VAC, Ith=12A, Ui=690V, rơ le nhiệt LRD16 dải 9-13A. - Đèn báo nguồn mầu đỏ Schneider XA2EVM4LC 22mm 220V AC. - Đèn báo trạng thái chạy mầu đỏ Schneider XA2EVM4LC 22mm 220V AC - Đèn báo trạng thái dừng mầu xanh Schneider XA2EVM4LC 22mm 220V AC - Công tắc chuyển mạch Local-Remote - Cấu đấu kết nối mạch lực, mạch điều khiển. - Tủ được thiết kế chạy tự động qua phao bơm và chạy tại chỗ.	Bộ	2	20 ngày	

TT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Tiến độ cung cấp hàng hoá	Hãng sản xuất
39.	Ủng nhựa nữ		Đôi	60	20 ngày	
40.	Van 1 chiều	Van 1 chiều lá lật DN90. Tiêu chuẩn JIS. VL: SUS304 PN10	Cái	2	20 ngày	
41.	Van bi tay gạt	kết nối ren trong 2 đầu bằng đồng DN25 PN16	Cái	8	20 ngày	
42.	Van cầu	Van cầu mặt bích DN90. VL: SUS304 PN10	Cái	2	20 ngày	
43.	Van khí hồi	AIR RELIEF VALVE AND PIPING D27; VL: SUS304; P/N: 67030200249	Cái	1	20 ngày	
44.	Van tay gạt	DN15 PN16 kết nối ren trong 2 đầu	Cái	8	20 ngày	
45.	Vít nở	Vít nở sắt M20x100	Bộ	32	20 ngày	
46.	Vòi xịt Toilet	Viglacera VG 826 (VGXP6)	Cái	1	20 ngày	

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____*[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*

Tên đơn hàng: _____ *[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]*

Số hiệu đơn hàng: _____ *[Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]*

Kính gửi: *[Điền tên đầy đủ của Bên mời chào giá]*

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá số hiệu.....mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[Ghi tên Nhà cung cấp],* cam kết thực hiện đơn hàng ____ *[Ghi tên và số hiệu đơn hàng]* theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của đơn hàng].*

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.

2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].*

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 02

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Ngày: ..... *(Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)*
Tên đơn hàng: ..... *(Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)*
Số hiệu đơn hàng: ..... *(Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)*

Số TT (Theo thư mời)	Tên vật tư, hàng hóa	Quý cách – Thông số kỹ thuật		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền trước thuế (VNĐ)	Thuế GTGT (VNĐ)		Thành tiền sau thuế (VNĐ)
		Theo thư mời	Chào giá					8%	10%	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1	Hàng hóa thứ nhất.	....	....	....	....	....	....	....	....	....
2	Hàng hóa thứ nhất.	....	....	....	....	....	....	....	....	....
n	Hàng hóa thứ n	....	....	....	....	....	....	....	....	....
		Tổng giá trị					....	....	....	....

(Ghi chú: ở cột số (11); (12): Nhà cung cấp ghi giá trị thuế GTGT ở cột áp dụng thuế suất tương ứng với hàng hóa)

Mẫu số 03

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày: _____*[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*

Tên đơn hàng: _____ *[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]*

Số hiệu đơn hàng: _____ *[Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]*

1. Giao hàng:

a) Thời gian giao hàng: .....

b) Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cửa Ông, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa:.....

2. Thanh toán:

3. Hàng hóa

- Chất lượng: Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Hàng hóa được sản xuất năm ..... *(trở lại đây)*
- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: ..... *(Nhà cung cấp ghi rõ tên các loại giấy tờ).*

4. Bảo hành:.....

5. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàn (nếu có):

Mẫu số 04

BẢN KÊ CHI TIẾT DANH MỤC HÀNG HÓA

Ngày: _____*[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*

Tên đơn hàng: _____ *[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]*

Số hiệu đơn hàng: _____ *[Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]*

Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá cần thể hiện rõ các đặc tính, thông số kỹ thuật, chất lượng, nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ, v.v… của vật tư được chào giá

Số TT (Theo thư mời)	**Danh mục hàng hóa (Tên hàng hóa)**	**Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm**	**Đặc tính, thông số kỹ thuật**	**Đơn vị tính**	**Số lượng**	**Nhà sản xuất**	**Xuất xứ từ (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ...)**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1	Hàng hóa thứ nhất.	....	....	....	....	....	....
2	Hàng hóa thứ nhất.	....	....	....	....	....	....
	....						
n	Hàng hóa thứ n	....	....	....	....	....	....

Mẫu số 05

CÁC ĐIỀU KIỆN CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

I. Đối tượng của hợp đồng

1. Tên hàng và khối lượng: .....

2. Nhà sản xuất :.....

3. Xuất xứ : .....

4. Tiêu chuẩn chất lượng: mới 100%, sản xuất năm 2025 trở lại đây, tại .....

5. Thông số kỹ thuật của hàng hoá: (*Như Bảng kê chi tiết danh mục hàng hóa)*

II. Hình thức hợp đồng

Hợp đồng theo đơn giá cố định.

III. Giá cả và phương thức thanh toán

1. Đơn giá và giá trị hợp đồng:

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng 100% giá trị hợp đồng sau thuế trong vòng 60 ngày sau khi bên B đã bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A

3. Bộ chứng từ thanh toán:

- 01 bản gốc Văn bản đề nghị thanh toán của bên Bán;

- Hoá đơn GTGT.

- 01 bản gốc Biên bản giao nhận hàng hoá có xác nhận của đại diện giao nhận hàng của bên Mua.

- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa: CO, CQ, Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa.....*(Theo quy định của Hồ sơ mời chào giá).*

- Biên bản kiểm nghiệm vật tư.

- Bản thanh lý hợp đồng.

IV. Giao hàng

1. Địa điểm giao nhận: Giao hàng tại Kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P. Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng:

c. Thời gian giao hàng: .....

3. Xác định khối lượng giao nhận:

- Phương pháp:

- Địa điểm xác định khối lượng:

- Biên bản xác định khối lượng

4. Xác định chất lượng:

- Phương pháp:

- Địa điểm xác định chất lượng:

- Biên bản xác định chất lượng/ Chứng thư chất lượng.....

V. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có):

- Giá trị, hình thức và thời hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng: (Theo quy định của Hồ sơ mời chào giá)

VI. Bảo hành (nếu có):

1. Thời hạn bảo hành: .....
2. Hình thức bảo hành: .....
3. Hình thức xử lý các tình huống theo điều kiện bảo hành:

V. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có)